

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 13- 6 - 2018

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi
con, chia tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về “ Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2018/HNGĐ- ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2018/QĐ - PT ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thiều Văn T, sinh 1988 (có mặt)

Cư trú: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh 1992 (có mặt)

Cư trú: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm cư trú: Ấp H, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thiều Văn C, sinh năm 1967 (có mặt)
 2. Bà Dương Thị B, sinh năm 1966 (vắng mặt)
- Cùng cư trú: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
- *Viện kiểm sát kháng nghị:*
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân huyện M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 nguyên đơn Thiều Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau 15/12/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, đến tháng 12/2016 phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm thường xuyên cụ thể nên chị H đưa con về cha mẹ ruột sinh sống, đến tháng 01/2017 anh T rước chị H về tiếp tục chung sống, nhưng đến ngày 14/4/2017 tiếp tục mâu thuẫn chị H đưa con về cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xin ly hôn với chị H.

Về con chung: có một con chung tên Thiều Ngọc H, sinh ngày 06/01/2016, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T yêu cầu chị H giao con tên Thiều Ngọc H cho anh T được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu chia.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản ngày 25/7/2017, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Về kết hôn, con chung chị thống nhất như anh Tân trình bày. Trong thời gian đầu chung sống với gia đình cha mẹ chồng là ông Thiều Văn C và bà Dương Thị B cuộc sống rất hạnh phúc. Đến tháng 4/2015 thì ông C và bà B cho anh chị vườn trồng sầu riêng trồng trên thửa đất 43. Vào năm 2017 khi bán sầu riêng được 110.000.000đ, sau khi trả tiền phân, thuốc còn lại 60.000.000đ, anh Tân tự ý đưa ông C và bà B mượn hết 60.000.000đ. Từ đó lời qua tiếng lại, anh Tân đuổi chị H về cha mẹ ruột chị H sinh sống. Anh T cũng không đến thăm con. Chị H cho rằng không có lỗi, nếu anh ly hôn thì chị H cũng thống nhất.

Về con chung: yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con tên Thiều Ngọc H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Motor, đường ống nước tưới vườn giá trị còn lại là 3.000.000đ. Hai phi nước chứa nước và đường ống xịt thuốc giá trị còn lại là

1.000.000đ. Một cái máy bơm nước giá trị còn lại là 2.000.000đ. Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius mang biển số 64G1- 13819, do Thiệu Văn T đứng tên chủ sử dụng giá trị còn lại là 10.000.000đ. Một tivi nhãn hiệu Sony 32 in và đầu đĩa giá trị còn lại là 3.000.000đ. Tiền ống bông xi măng và tiền công là 3.000.000đ. Tiền kéo điện thắp sáng là 4.000.000đ. Tiền lời từ canh tác vườn sầu riêng là 12.680.000đ. Tiền lời từ bán hai con heo là 2.950.000đ. Căn nhà 93.918.690đ, chuồng heo 23.110.686đ, hàng rào trụ đá lưới sắt B40 có chiều dài là 161,5m. Ngoài ra năm 2015 có mua sắm các vật dụng trong gia đình như sau: Bộ ghế salon bằng gỗ, giường ngủ bằng sắt, tủ chén, tủ đựng quần áo. Chị H yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Về công sức đóng góp vào vườn sầu riêng:

Thửa đất số 43 là 04 công vườn trồng sầu riêng, tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long của ông Thiệu Văn C và bà Dương Thị B cho chị H và anh T lúc ra riêng, nhưng chưa sang tên, sầu riêng đã trồng được 03 năm tuổi hiện nay chị H và anh T chăm sóc sầu riêng đến 06 năm tuổi. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu ông Thiệu Văn C và bà Dương Thị B trả công sức đóng góp vào vườn sầu riêng 03 năm là 8.317.000đ (tám triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng).

Tại bản khai ý kiến ngày 11/8/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thiệu Văn C, bà Dương Thị B trình bày:

Năm 2015, ông, bà có mua cho con trai là Thiệu Văn T mượn một bộ ghế salon, một giường ngủ bằng sắt, một tủ chén, một tủ đựng quần áo, ông C, bà B không thống nhất yêu cầu của chị H về việc chia số tài sản này. Nay T với chị H ly hôn thì ông C, bà B sẽ tiếp tục cho anh T mượn để sử dụng các tài sản nêu trên, khi nào anh T không sử dụng thì phải trả lại.

Đối với chị H yêu cầu chia công sức đóng góp vào 04 công sầu riêng, ông C, bà B không thống nhất. Vì vườn sầu riêng đã trồng sẵn, sau đó cho vợ chồng anh T và chị H mượn canh tác, hưởng lợi chi tiêu cho cuộc sống của vợ chồng anh Tân và chị Hạnh không có lo cho vợ chồng ông C và bà B.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2018/HNGĐ- ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M xử, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 104 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 59, khoản 1 Điều 116, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 165; khoản 1, 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Thiệu Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cháu Thiệu Ngọc H, sinh ngày 06/01/2016.

Anh Thiệu Văn T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Thiệu Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Thiệu Ngọc H mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng).

4. Về chia tài sản chung khi ly hôn:

4.1. Giao toàn bộ tài sản chung cho anh Thiệu Văn T toàn quyền quản lý sử dụng, gồm: Nhà ở, motor, đường ống nước tưới vườn, hai phi nước chứa nước và đường ống xịt thuốc, một cái máy bơm nước, một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius mang biển số 64G1- 13819, một tivi nhãn hiệu Sony 32 in và đầu đĩa, ống bong xi măng, hệ thống điện thấp sáng, tiền lời từ canh tác vườn sầu riêng, tiền lời từ bán hai con heo, chuồng heo, ½ hàng rào trụ đá lưới sắt B40 dài 80,75 mét.

4.2. Buộc anh Thiệu Văn T chia giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị H 76.844.524đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng) và ½ hàng rào trụ đá lưới sắt B40 có chiều dài là 80, 75 mét (tám mươi mét phẩy bảy mươi lăm).

Các tài sản trên hiện có trên thửa đất 43 của ông Thiệu Văn C và do anh Thiệu Văn T quản lý. Thửa đất 43 của ông Thiệu Văn C tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

5. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H:

Về việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ông Thiều Văn C và bà Dương Thị B trả công sức đóng góp vào vườn sầu riêng 03 năm là 8.317.000đ (tám triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng).

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, về yêu cầu chia tài sản chung là hồ nước và máy hiên nhà liên kề nhà ở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá, nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 13/4/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/HNGĐ- ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M về viện dẫn điều luật không đầy đủ đối với nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không chấp nhận yêu cầu công sức đóng góp của chị Hạnh là 8.317.000đồng, mà buộc chị H phải chịu 416.000 đồng và tính án phí chia tài sản chung anh T, chị H không viện dẫn điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị đã rút.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn chị H không yêu cầu xem xét công sức đóng góp và chị H, anh T thỏa thuận trị giá hàng rào trụ đá lưới sắt B40 có chiều dài là 161,5m với số tiền 12.000.000đồng và chia đôi hàng rào, chị H thì lấy giá trị, anh T thì được sử dụng toàn bộ hàng rào, các đương sự cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H không yêu cầu tòa xem xét đối với yêu cầu ông Thiều Văn C và bà Dương Thị B phải trả công sức đóng góp vào vườn sầu riêng 03 năm cho chị H với số tiền là 8.317.000đ. Do đó, Viện kiểm sát rút kháng nghị về phần công sức đóng góp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị đối với công sức đóng góp.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm chị H và anh T thỏa thuận về giá trị hàng rào trụ đá lưới sắt B40 có chiều dài là 161,5m với số tiền là 12.000.000đồng và thống nhất chia đôi hàng rào. Chị H thống nhất giao cho anh T được quyền quản lý sử dụng toàn bộ hàng rào trụ đá lưới sắt B40 có chiều dài là 161,5m, nhưng anh T có nghĩa vụ giao $\frac{1}{2}$ giá trị hàng rào trụ đá lưới sắt B40 có chiều dài là 161,5m cho chị H với số tiền là 6.000.000 đồng. Việc chị H và anh T thỏa thuận chia hàng rào là phù hợp nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị H. Như vậy buộc anh Thiều Văn T chia giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị H 76.844.524đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng) và 6.000.000đồng giá trị của $\frac{1}{2}$ hàng rào trụ đá lưới sắt B40 là 82.844.524 đồng (76.844.524đồng + 6.000.000đồng = 82.844.524 đồng, làm tròn là 82.844.000 đồng) (tám mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

[2] Tại bản án sơ thẩm viện dẫn điều luật không đầy đủ đối với nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình là thiếu sót. Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về án phí: Tại bản án sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung của anh T, chị H nhưng không viện dẫn điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là thiếu sót.

Đối với chị H yêu cầu Tòa án buộc ông Thiều Văn C và bà Dương Thị B trả công sức đóng góp vào vườn sầu riêng là 8.317.000đ, nhưng không được Tòa án chấp nhận. Nhưng cấp sơ thẩm lại buộc chị H chịu 416.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm chưa phù hợp theo quy định tại điểm a, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M các vấn đề nêu trên là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ chấp nhận một phần. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 17/2018/HNGĐ- ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

[3] Về án phí dân sự: sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 104 và Điều 147, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 289, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 và Điều 110 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6; điểm a khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị đối với phần công sức đóng góp.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 17/2018/HNGĐ-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thiều Văn T. Cho anh Thiều Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

Chấp nhận xin nuôi con của chị Nguyễn Thị H. Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục con tên Thiều Ngọc H, sinh ngày 06/01/2016.

Buộc anh Thiều Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Thiều Ngọc H mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Hạnh.

Giao toàn bộ tài sản chung cho anh Thiều Văn T toàn quyền quản lý sử dụng, gồm: Nhà ở, motor, đường ống nước tưới vườn, hai phi nước chứa nước và đường ống xịt thuốc, một cái máy bơm nước, một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius mang biển số 64G1- 13819, một tivi nhãn hiệu Sony 32 in và đầu đĩa, ống bong xi măng, hệ thống điện thấp sáng, tiền lời từ canh tác vườn sầu riêng, tiền lời từ bán hai con heo, chuồng heo, toàn bộ hàng rào trụ đá lưới sắt B40 dài là 161,5m. Các tài sản trên hiện có trên thửa đất 43 của ông Thiều Văn C và do anh Thiều Văn T quản lý. Thửa đất 43 của ông Thiều Văn C tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Thiều Văn T chia giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị H số tiền 82.844.000 đồng (tám mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Thiều Văn C và bà Dương Thị B trả công sức đóng góp vào vườn sầu riêng 03 năm là 8.317.000đ (tám triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng).

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, về yêu cầu chia tài sản chung là hồ nước và máy hiêng nhà liền kề nhà ở.

6. Về chi phí định giá trị tài sản:

Buộc anh Thiều Văn T hoàn trả chị Nguyễn Thị H 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

7. Về án phí sơ thẩm:

Anh Thiều Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0005643 ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Anh Thiều Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Thiều Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Thiều Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.264.000đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.142.000đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000đ (ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) đồng, theo biên lai theo biên lai số 0006013 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 367.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND huyện MT: 01b;
- CC THADS huyện MT: 01b;
- Các đs: 02b;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngừng